

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/11/2018

“Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**

- Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Văn Khanh

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Hằng** – là Thư ký Tòa án thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
(Không thuộc trường hợp phải tham gia phiên tòa)

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 262/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018, về việc: *“Xin ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thuận P, xã Thuận A, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Anh **Trịnh Công Đ**, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ ĐKTT: ấp Phú N, xã An Kh, huyện Châu T, tỉnh Đồng T.

Hiện đang tạm trú tại: Tổ 2, ấp Thuận P, xã Thuận A, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01/10/2018 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Đ quen biết qua mai mối, không có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó kết hôn với nhau vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới trước sự chứng kiến và đồng ý của hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Khi cưới đàn trai có cho cô dâu đôi bông 01 chỉ vàng 24K và sợi dây chuyền nhưng chị không nhớ trọng lượng là bao nhiêu, sau ngày cưới vợ chồng chị đã bán chỉ xài hết không còn.

Vợ chồng chị có 02 đứa con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/8/2001 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 14/4/2017. Hiện nay hai con đang sống chung với vợ chồng chị.

Tài sản chung: Vợ chồng tôi có 02 căn nhà và 02 chiếc xe.

Nợ chung: Có nợ chung nhưng trả gần xong.

Thời gian chung sống với nhau bình thường anh Đ rất tốt nhưng mỗi khi có rượu vào thì anh Đ hay ghen tuông rồi đánh đập chị, chị rất sợ nên không thể sống chung với anh Đ được nữa. Vợ chồng chị ly thân khoảng 01 năm nay.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Công Đ. Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung là Nguyễn Đức Th, sinh ngày 14/4/2017, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/8/2001 chị đồng ý để anh Đ nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, để chị và anh Đ tự thỏa thuận với nhau.

Tại lời khai hòa giải ngày 26/10/2018 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trịnh Công Đ trình bày thống nhất với lời khai của chị L về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn đúng. Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh không biết vì lý do gì mà chị L đòi ly hôn, anh đi làm suốt ngày còn chị L thì đi chơi hoài, nhiều khi giận quá nên anh có đánh vợ 1 - 2 bạt tai. Anh còn thương chị L nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Chị yêu cầu được quyền nuôi cháu Nguyễn Đức Th, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý để anh Đ được quyền nuôi cháu Nguyễn Thị Thu H, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ không đồng ý ly hôn với chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ quen biết và kết hôn với nhau vào năm 2001, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó hôn nhân của anh chị không được xem là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 đứa con chung là: Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/8/2001 và Nguyễn Đức Th, sinh ngày 14/4/2017. Hiện nay hai con đang sống chung với vợ chồng chị. Xét thấy, cháu H đã lớn và có nguyện vọng được sống chung với anh Đ nên chấp nhận cho cháu H được sống chung với anh Đ. Riêng cháu Th hiện nay mới hơn 01 tuổi, còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, chấp nhận cho chị L được quyền nuôi cháu Th phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L còn phải chịu nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 8, 9, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Công Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Chấp nhận cho chị L được quyền nuôi cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 14/4/2017, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền nuôi cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/8/2001, chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L và anh Đ được quyền đến thăm, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000đ được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009360 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long.
- VKS TX. BM.
- THA TX. BM.
- Các đương sự.
- Lưu văn phòng
- Hồ sơ.

Nguyễn Thị Màu